

HƯỚNG DẪN TRÌNH BÀY LUẬN VĂN THẠC SĨ

1. Giới thiệu

Phần này hướng dẫn các yêu cầu chung và yêu cầu cụ thể về cách thức trình bày, bố cục của luận văn và các phụ lục tham khảo cho luận văn thạc sĩ (luận văn).

2. Về cách thức trình bày của luận văn thạc sĩ

Mục tiêu của luận văn là truyền tải các thông tin, kết quả nghiên cứu của học viên đến người đọc nên luận văn thạc sĩ phải đạt yêu cầu trình bày có hệ thống, gắn kết, dễ hiểu, rõ ràng, súc tích, mạch lạc, có đánh số trang, số bảng, số hình. Cách viết (hành văn) phải đồng nhất văn phong khoa học trong toàn luận văn và viết theo nguyên tắc ngôi thứ 3 (*ví dụ*: nghiên cứu được tiến hành chứ **không** viết tôi hay chúng tôi tiến hành nghiên cứu). Phần tên luận văn phải cô đọng, rõ ràng, thể hiện chủ đề, phạm vi và nội dung nghiên cứu, tên luận văn không quá dài, không viết tắt.

Luận văn thạc sĩ theo định hướng nghiên cứu được trình bày từ 60 đến 80 trang A4 (210 x 297 mm). Đối với lĩnh vực khoa học xã hội có thể nhiều hơn nhưng không quá 100 trang; luận văn thạc sĩ theo định hướng ứng dụng trình bày từ 40 đến 60 trang, không kể các phần mục lục, danh mục bảng biểu, phụ lục.

2.1. Một số yêu cầu về soạn thảo

Luận văn phải được soạn thảo trên giấy trắng và cỡ giấy khổ A4 trên phần mềm Microsoft Word hoặc tương đương, mực in màu đen bằng máy in laser (ngoại trừ hình màu có thể in bằng máy in laser hay máy in phun mực màu). Luận văn được trình bày theo chiều giấy đứng (**portrait**), ngoại trừ hình hay bảng có thể trình bày giấy ngang (**landscape**).

Phần nội dung trong toàn văn của luận văn phải được thống nhất về kiểu và cỡ chữ. Kiểu chữ (fonts) chữ tiếng Việt Times New Roman, bộ mã ký tự Unicode theo Tiêu chuẩn Việt Nam TCVN 6909:2001 (hoặc tiếng Anh nếu luận văn viết bằng tiếng Anh), cỡ 13 của hệ soạn thảo Microsoft Word hoặc tương đương, mật độ chữ bình thường, không được nén hoặc kéo giãn khoảng cách giữa các từ; cách dòng là 1.2 (line spacing=1,2). In đậm các mục, tiêu mục. Phần phụ chú cuối trang (footnotes) và phần ghi chú cho bảng thì cỡ chữ 10. Cỡ của chữ số và tên của bảng biểu và hình là 12, những trường hợp đặc biệt có thể là 11. Văn phong và việc viết hoa trong Luận văn cần tuân thủ văn phạm tiếng Việt và có thể tham khảo các quy định hiện hành của Nhà nước về viết hoa (Phụ lục II Nghị định số 30/2020/NĐ-CP ngày 05 tháng 3 năm 2020 của

Chính phủ về công tác văn thư) (hoặc tiếng Anh nếu luận văn viết bằng tiếng Anh).

2.2. Lề trang, cách khoảng (tab)

Việc định lề trang phải thống nhất trong toàn luận văn, lề trái là 3.0cm, các lề còn lại (trên, dưới, phải) là 2.0 cm. Cách khoảng (tab) là 1.0 cm. Header và footer là 1.0 cm.

2.3. Cách dòng (hàng)

Luận văn phải được trình bày cách dòng là 1.2 (line spacing=1,2). Tuy nhiên, các trường hợp sau thì cách dòng là 1 (line spacing=1) như:

2.3.1 Tài liệu tham khảo

2.3.2 Bảng và hình

2.3.4 Phụ lục

2.3.5 Ghi chú cho bảng

Giữa tiêu mục và các đoạn văn bản phía trên cách dòng 6 (thực hiện lệnh paragraph spacing before 6pt và after 0). Trong những trường hợp liệt kê nhiều dòng liên tục nhau thì không cần cách nhau tức spacing before 0 và after 0, vẫn giữ cách dòng (line spacing) là 1.2.

Cách khoảng đầu dòng (thụt đầu dòng) cho tiêu mục đánh số và các đoạn văn; thụt đầu dòng là 1.0 cm (tab=1,0 cm). Trường hợp có các tiêu mục nhỏ hơn không đánh số mà dùng chữ cái a, b, c... thì cũng thụt đầu dòng và in đậm như tiêu mục có đánh số. Trường hợp tiêu mục ở cuối trang thì chuyển sang trang tiếp theo.

2.4. Đánh số trang

Đánh số ở giữa trang, phía dưới trang giấy, cỡ chữ và kiểu chữ (font) của trang được đánh số cùng cỡ và font của nội dung luận văn, kiểu chữ đứng được canh giữa trong phần lề trên của văn bản. Các trang ở phần mở đầu của luận văn (gồm trang tóm tắt, trang lời cảm ơn trang mục lục, trang danh sách bảng, trang danh sách hình, trang các từ viết tắt (nếu có), được đánh số trang bằng số La-mã chữ thường (ví dụ: i, ii, iii, iv, v...) không đánh số trang bìa và trang phụ bìa. Bắt đầu đánh số trang cho phần nội dung chính bằng chữ số Ả Rập (1, 2, 3...) từ chương 1 đến hết phần tài liệu tham khảo.

2.5. Cách ghi mục, tiêu mục

Các mục, tiêu mục của luận văn được trình bày và đánh số theo cấp xuất hiện của tiêu mục, nhiều nhất 3 cấp gồm 4 chữ số với số thứ nhất chỉ số chương, số thứ hai chỉ tiêu mục cấp 1 (2 chữ số), số thứ ba chỉ tiêu mục cấp 2 (3 chữ số), số thứ tư chỉ tiêu mục cấp 3 (4 chữ số). Ví dụ: 4.1.2.1: 4 chỉ chương 4, 4.1 chỉ tiêu mục cấp 1 (1), 4.1.2 chỉ tiêu mục cấp 2 (2), 4.1.2.1 chỉ tiêu mục cấp 3 (1). Tại mỗi mục, tiêu mục phải có ít nhất 2 tiêu mục, nghĩa là không thể có tiêu mục 2.1.1 mà không có tiêu mục 2.1.2 tiếp theo. Trường hợp có các tiêu mục nhỏ hơn tiêu mục cấp 4 (1.1.1.1) thì dùng chữ cái a, b, c,... viết thường. Sau các mục và các tiêu mục **không** có dấu chấm hoặc dấu hai chấm; không

đặt tiêu mục ở cuối trang.

Các dấu cuối câu gồm: dấu chấm “.”, dấu phẩy “;”, dấu hai chấm “:”, dấu chấm phẩy “;”, ... phải nằm liền với từ cuối cùng nhưng cách từ kế tiếp **1 space bar**. Nếu các từ hay cụm từ đặt trong dấu ngoặc thì dấu ngoặc phải đi liền (không có khoảng trắng) với từ đầu tiên và từ cuối cùng (*Ví dụ: (trái táo)*).

Có hai loại đề mục:

a) Các đề mục cùng cấp phải có cùng định dạng trong toàn bộ luận văn (ví dụ 1.1.2, 1.1.3 và 2.1.3).

b) Các đề mục không cùng cấp thì không cùng định dạng (ví dụ 1.1 và 1.1.1).

** Hướng dẫn kiểu trình bày đề mục*

1.1 (CHỮ HOA, IN ĐẬM, ĐỨNG)

1.1.1 (chữ thường, in đậm, đứng)

1.1.1.1 (chữ thường, in nghiêng)

1.1.1.2 (chữ thường, in nghiêng)

1.1.2 (chữ thường, in đậm, đứng)

1.1.2.1 (chữ thường, in nghiêng)

1.1.2.2 (chữ thường, in nghiêng)

1.2 (CHỮ HOA, IN ĐẬM, ĐỨNG)

2.6. Trình bày bảng biểu, hình vẽ và phương trình

Số liệu của bảng biểu phải được trình bày thống nhất bằng chữ số Ả Rập. Hình bao gồm bản đồ, đồ thị, sơ đồ, hình chụp (ảnh), hình vẽ từ máy tính, ... phải được canh giữa. Số thứ tự của bảng và hình sử dụng trong luận văn phải được đánh kèm theo số thứ tự chương (ví dụ: bảng/hình của chương 1 thì đánh số 1.1 hay 1.2, ... hoặc của chương 2 thì đánh số 2.1 hay 2.2). Tên của các bảng/hình phải được liệt kê ở phần danh sách bảng/hình ở phần đầu. Bảng/hình phải đặt ngay sau phần mô tả (text) về bảng/hình đó. Không đặt bảng/hình ngay sau mục hoặc tiêu mục. Tên của bảng biểu phải đặt phía trên bảng và so le bên trái (left). Tên của hình được đặt dưới hình và canh giữa, không in đậm hoặc in nghiêng cho tên bảng và tên hình. Tên bảng và tên hình phải đủ nghĩa tức thể hiện đầy đủ nội dung của bảng và hình; tránh dùng tên không cụ thể, mờ nghĩa như: kết quả của thí nghiệm 1 hay thí nghiệm 2 mà không ghi rõ tên thí nghiệm nói về việc gì.

Ví dụ: Bảng 1.1 Bảng thống kê quy mô đào tạo chính quy năm 2021

Diễn nghĩa: Bảng thứ 1 trong Chương 1 của luận văn.

Nguồn: Trường Đại học Quốc tế Sài Gòn, 2021

Việc trình bày số liệu của các bảng biểu phải cô đọng, ngắn gọn, tránh quá nhiều số liệu làm cho việc minh họa của bảng trở nên phức tạp và khó hiểu. Nên chọn cách trình bày phù hợp để làm nổi bật nội dung hay ý nghĩa của bảng. Không kẻ đường dọc cho các cột và đường ngang cho từng dòng ngoại trừ dòng tiêu đề và dòng cuối của bảng (xem Phụ lục 7). Các cột số liệu nên so hàng (cả tiêu đề của cột) về phía phải (right). Các ghi chú ý nghĩa thống kê (a, b, c...) có thể đặt sau số trung bình hay sau độ lệch chuẩn hay sai số chuẩn nhưng phải thống nhất trong toàn luận văn và đặt lên trên số (superscript). Không cách khoảng (space bar) giữa số trung bình dấu “±” và độ lệch (ví dụ: 34,5±2,34 chứ không 34,5 ± 2,34).

Các ghi chú trên hình và tiêu đề bảng nên tránh viết chữ tắt gây khó hiểu cho người đọc. Ví dụ như NT1 (ý nói nghiệm thức 1) thì tốt nhất là ghi rõ nghiệm thức đó tên gì; nếu nghiệm thức 1 là nồng độ hóa chất thí nghiệm là 5 mg/L thì nên ghi trực tiếp là 5 mg/L. Trường hợp tên nghiệm thức dài không thể ghi chi tiết thì phải có ghi chú kèm theo có thể là cuối bảng hay cuối tên của hình, với cỡ chữ 10 (nên để hình ở chế độ “in line with text” để không bị nhảy dòng).

Khi trình bày hình (hay còn gọi là đồ thị) nên lưu ý sử dụng đúng loại hình để biểu thị cho dữ liệu tương ứng: dạng đường để biểu hiện xu hướng liên tục tức có tính tương quan giữa các giá trị x (trục hoành) và y (trục tung); dạng cột (bar) thể hiện số liệu không tương quan nhưng để so sánh; dạng kết hợp (đường và cột) để biểu hiện xu hướng (có tương quan); dạng điểm (scatter) để thể hiện số liệu có tính phân bố; và dạng bánh (pie) để thể hiện tỉ lệ (%). Không sử dụng khung viền cho hình. Các trục đồ thị phải có đơn vị rõ ràng và có chú thích tên của cả hai trục (Tham khảo Phụ lục 7).

2.7. Trình bày tên của các chương

Tiêu đề chương và tên của chương phải đặt đầu trang và giữa dòng (center). Trong các chương có thể có nhiều mục, tiểu mục tùy theo đặc thù của từng nhóm ngành và chuyên ngành. Các mục và tiểu mục được đánh số theo số chương. Tiểu mục chỉ đến cấp thứ 3. Ví dụ tiểu mục cấp 1 của chương 2 thì đánh dấu là 2.1, 2.2,... (2 chữ số); tiểu mục cấp 2 của chương 2 thì đánh số 2.1.1 hay 2.1.2,... (3 chữ số); và tiểu mục cấp 3 của chương 2 là 2.1.1.1 hay 2.1.1.2 (có 4 chữ số). Những tiểu mục nhỏ hơn cấp 3 thì đánh số a, b, c.

2.8. Công thức

Công thức toán hay công thức hóa học được đánh số theo thứ tự của chương, với cỡ chữ 12 và canh lề phải của trang. Ví dụ công thức thứ nhất ở chương 2 thì đánh số 2.1 mà không tính đến công thức thuộc tiểu mục nào của chương.

2.9. Viết trích dẫn và liệt kê Danh mục tài liệu tham khảo

Hiện tại có nhiều chuẩn mực và nguyên tắc để trích dẫn và liệt kê tài liệu tham

khảo, các “chuẩn” trích dẫn tài liệu phổ biến được sử dụng rộng rãi trên thế giới có thể kể đến như: APA (American Psychological Association - Hiệp hội Tâm lý Hoa kỳ), IEEE (Institute for Electrical and Electronics Engineers - Viện Kỹ sư Điện và Điện tử), MLA (Modern Language Association – Hiệp hội Ngôn ngữ Hiện đại), Harvard (Harvard referencing style), Vancouver, Chicago, ... Theo đó, Trường Đại học Quốc tế Sài Gòn chọn sử dụng một trong hai chuẩn quốc tế đang sử dụng phổ biến là APA và IEEE. Việc chọn kiểu trích dẫn nào, APA hoặc IEEE, là do đơn vị đào tạo xác định và chi tiết cụ thể áp dụng tại đơn vị đào tạo.

Để đảm bảo tính thống nhất quy cách ghi tài liệu tham khảo (TLTK) cho toàn luận văn, học viên chỉ chọn một cách ghi trích dẫn và liệt kê TLTK theo APA hoặc IEEE được hướng dẫn ở Phụ lục 3 (trừ trường hợp Khoa, Viện đào tạo có quy định khác).

2.10. Đơn vị đo lường

Phải dùng hệ thống đơn vị đo lường quốc tế SI, theo nguyên tắc sau và thống nhất trong toàn luận văn:

1 litre	(1 L) (từ lít viết hoa)
20 kilogram	(20 kg)
2,5 hectare	(2,5 ha)
45 part per thousand	(45 ppt)

Đơn vị đo lường phải cách chữ số 1 khoảng (1 space bar) (ví dụ: 10 kg). Đối với phần trăm (%) và độ C thì không cần cách 1 khoảng (ví dụ: 50%, 28°C).

2.11. Số đếm

Số đếm đi kèm với đơn vị đo lường thường được viết phân chữ số đi trước sau đó là đơn vị đo lường (ví dụ: 5 L, 5 kg). Nếu số đứng đầu câu thì phải viết phát âm chữ số (ví dụ: Năm mươi người). Trường hợp số dùng để chỉ một chuỗi số thì viết bằng số (ví dụ: 4 nghiệm thức hay 10 mẫu (không viết là bốn hay mười)).

Sử dụng dấu phẩy cho các chữ số thập phân (ví dụ: 3,25 kg) và các số đếm từ hàng ngàn trở lên thì dùng dấu chấm (ví dụ: 1.230 m). Nguyên tắc làm tròn số: *(i)* dựa theo số thập phân mà phương tiện thí nghiệm có thể cân/đo được, nếu phương tiện đo được 3 số thập phân thì số thập phân dùng không quá 3; *(ii)* có thể dùng nguyên tất làm tròn số 1% nghĩa là nếu phần số nguyên chỉ là hàng đơn vị (tức từ 1-9) thì dùng 2 số thập phân (ví dụ: 3,25 kg – 3 là hàng đơn vị thì dùng 2 số thập là 25); nếu số nguyên là hàng chục (tức từ 10-99) thì dùng 1 số thập phân (ví dụ: 12,5 cm); và nếu số nguyên là hàng trăm trở lên (≥ 100) thì không dùng số thập phân (ví dụ: 102 cm). Cách dùng số thập phân phải thống nhất trong toàn luận văn.

3. Về bố cục trình bày của luận văn thạc sĩ

Luận văn được trình bày theo 3 thành phần chính gồm: (i) **phần đầu** (các trang bìa, trang xác nhận của Hội đồng, trang lời cảm ơn, trang cam đoan, trang danh sách bảng, trang danh sách hình, danh sách từ viết tắt, trang mục lục), (ii) **phần nội dung chính** của luận văn (bài viết) gồm các chương được mô tả ở mục 1.3.2, và (iii) **phần cuối** (Tài liệu tham khảo, Phụ lục, danh mục các bài báo đã công bố).

Cấu trúc một luận văn gồm các thành phần phổ biến như sau:

TT	Mô tả
1	Trang bìa chính
2	Trang bìa phụ
3	Trang xác nhận của Hội đồng
4	Lời cảm ơn
5	Tóm tắt tiếng Việt
6	Tóm tắt tiếng Anh
7	Trang cam đoan kết quả nghiên cứu
8	Mục lục
9	Danh sách bảng
10	Danh sách hình
11	Danh mục từ viết tắt
12	Phần nội dung chính luận văn
13	Tài liệu tham khảo
	<u>Phụ lục</u>
<u>14</u>	

3.1. Phần đầu

3.1.1. Trang bìa chính

Luận văn sau khi chỉnh sửa và in chính thức thì được đóng bìa cứng theo mẫu và màu xanh dương, chữ trên trang bìa cứng là chữ nhũ màu vàng, kiểu chữ (font) in hoa (cỡ chữ khác nhau theo dòng). Gáy của luận văn được định dạng theo kiểu chữ (font) in hoa đậm, cỡ 14, và viết như sau: “Họ tên học viên – Luận văn thạc sĩ – Năm thực hiện”.

Trang này bao gồm các nội dung được viết in hoa và bố cục theo thứ tự như sau:

- Tiêu đề Bộ Giáo dục và Đào tạo, Trường Đại học Quốc tế Sài Gòn (cỡ chữ: 14, đậm)
- Tên tác giả (cỡ chữ: 14, đậm)
- Tên đề tài (cỡ chữ: 18 hoặc 20, đậm)
- Tiêu đề Luận văn Thạc sĩ (cỡ chữ: 14, đậm)
- Tên ngành hoặc chuyên ngành đào tạo (cỡ chữ: 14, đậm)
- Năm thực hiện (cỡ chữ: 14, đậm)

Lưu ý: không in logo trường, không in màu, không đóng khung viền, tên đề tài khi xuống dòng thì câu phải đảm bảo đủ ý và canh giữa dòng (center) (Tham khảo thêm ở Phụ lục 1a).

3.1.2. Trang bìa phụ

Trang bìa phụ bao gồm các nội dung được viết in hoa giống như trang bìa chính nhưng có thêm thông tin về mã ngành đào tạo và tên người hướng dẫn. Trang bìa phụ có bố cục các đề mục theo thứ tự như sau:

- Tiêu đề Bộ Giáo dục và Đào tạo, Trường Đại học Quốc tế Sài Gòn
- Tên tác giả
- Mã số học viên
- Tên đề tài
- Tiêu đề Luận văn thạc sĩ
- Tên ngành hoặc chuyên ngành đào tạo
- Mã ngành hoặc chuyên ngành
- Tiêu đề Người hướng dẫn và tên những người hướng dẫn (cỡ chữ: 14, đậm)
- Năm thực hiện

Lưu ý: không in logo trường, không in màu, không đóng khung, tên đề tài khi xuống dòng thì câu phải đủ ý và canh giữa dòng (Tham khảo thêm ở Phụ lục 2a).

3.1.3. Trang tóm tắt luận văn bằng tiếng Việt và tiếng Anh

Thông thường, trang Tóm tắt nội dung luận văn bao gồm: (1) tiêu đề Tóm tắt, (2) nội dung tóm tắt gồm hai phần: tiếng Việt và tiếng Anh được trình bày trong cùng 01 trang A4 (210x297 mm). Mỗi phần tóm tắt được viết trong khoảng 150-250 từ tùy theo quy định của chuyên ngành và (3) từ khóa.

Phần nội dung chính của Tóm tắt luận văn phải bao hàm các ý sau:

Lý do lựa chọn đề tài, mục tiêu nghiên cứu, phương pháp nghiên cứu, kết quả nghiên cứu, kết luận về vấn đề nghiên cứu. Trong phần tóm tắt của luận văn nên tránh đưa biểu bảng hay hình (*ngoại trừ tóm tắt dùng trong các hội nghị, hội thảo có thể dùng hình hay bảng*) và **không nên** trích dẫn tài liệu tham khảo ở tóm tắt cho luận văn.

Từ khóa: không quá 6 từ, không sử dụng các từ “của”, “và”, không được viết tắt, chọn từ đơn giản có liên quan đến nội dung của báo cáo và được lặp lại nhiều lần trong báo cáo. Hạn chế lặp lại các từ đã xuất hiện ở tựa báo cáo.

3.1.4. Trang ghi lời cảm ơn

Thông thường, lời cảm ơn của học viên hướng đến người hướng dẫn, người giúp đỡ, các đơn vị tài trợ cho dự án, đề tài để luận văn được hoàn thành.

3.1.5. Trang xác nhận của Hội đồng

Trang này gồm chữ ký và họ tên của tất cả các thành viên hội đồng để xác nhận kết quả bảo vệ của luận văn tốt nghiệp cao học (*Phụ lục 3a*).

3.1.6. Trang Lời cam đoan về kết quả nghiên cứu

Nội dung của Lời cam đoan cần đảm bảo các nội dung sau: (1) quyền luận văn là do bản thân tác giả thực hiện, không do người khác làm thay, (2) các tài liệu tham khảo được bản thân tác giả xem xét, chọn lọc kỹ lưỡng, trích dẫn và liệt kê tài liệu tham khảo đầy đủ, (3) kết quả nêu ra trong luận văn được hoàn thành dựa trên các kết quả nghiên cứu học viên và các kết quả của nghiên cứu này chưa được dùng cho bất cứ luận văn cùng cấp nào khác.

Trong trường hợp nếu luận văn là một phần của dự án mà chưa được báo cáo nghiệm thu và theo yêu cầu của Người hướng dẫn thì phải cam kết: Tôi xin cam kết luận văn này được hoàn thành dựa trên các kết quả nghiên cứu của tôi trong khuôn khổ của đề tài/dự án “*Tên dự án*”. Dự án có quyền sử dụng kết quả của luận văn này để phục vụ cho mục tiêu báo cáo của dự án.

Lưu ý: nếu học viên sử dụng số liệu của đề tài hay dự án của người khác (kể cả của người hướng dẫn) thì cần có giấy xác nhận cho phép sử dụng số liệu của chủ nhiệm đề tài/dự án để lưu hồ sơ của học viên.

3.1.7. Trang Mục lục

Liệt kê theo trình tự các mục và tiểu mục của bài viết cùng với số trang tương ứng. Trình bày tối đa đến tiểu mục cấp 2 không tính tiểu mục chương. Ví dụ: liệt kê đến tiểu mục 1.2.3 (có 3 số).

3.1.8. Trang Danh sách bảng

Liệt kê chính xác tên của các bảng biểu trong bài và số trang tương ứng. Khi trình bày việc mô tả nội dung của bảng trong luận văn từ “Bảng” phải viết hoa. Ví dụ: “theo Bảng 2 cho thấy rằng...” hoặc “... nhiệt độ biến động từ 25°C đến 31°C (Bảng 5)”.

3.1.9. Trang Danh sách hình

Liệt kê chính xác tên của các hình được sử dụng trong luận văn và số trang tương ứng (lưu ý là chỉ dùng thuật ngữ Hình cho tất cả các trường hợp hình vẽ, hình chụp, sơ đồ, đồ thị, biểu đồ...). Khi viết trong luận văn từ “Hình” phải viết hoa để biểu thị cho một tên Hình xác định đã được trình bày trong luận văn.

3.1.10. Danh mục từ viết tắt (nếu có)

Trình bày đầy đủ các thuật ngữ viết tắt trong bài viết, trong bài viết phải viết đầy đủ cho lần đầu tiên và kèm theo từ viết tắt. Chỉ viết tắt những từ, cụm từ hoặc thuật ngữ được sử dụng nhiều lần trong luận văn. Không viết tắt những cụm từ dài, những mệnh đề hoặc những cụm từ ít xuất hiện. Nếu cần viết tắt những từ, thuật ngữ, tên các cơ quan, tổ chức thì được viết tắt sau lần viết thứ nhất có kèm theo chữ viết tắt trong ngoặc đơn. Nếu có quá nhiều chữ viết tắt thì phải có bảng danh mục các chữ viết tắt (xếp theo thứ tự ABC). Ví dụ: Đồng bằng sông Cửu Long (ĐBSCL). Các đơn vị đo lường không cần trình bày. Ví dụ về trình bày danh mục từ viết tắt như dưới đây:

TPHCM	Thành phố Hồ Chí Minh
SIU	Đại học Quốc tế Sài Gòn
CMCN 4.0	Cách mạng công nghiệp lần thứ 4 CPĐT Chính phủ điện tử
TMĐT	Thương mại điện tử

3.2. Phần nội dung chính của luận văn

- Đối với những nghiên cứu theo hướng phân tích định lượng, phần nội dung chính của luận văn được kết cấu thành 5 chương: Chương 1. Tổng quan về vấn đề nghiên cứu, Chương 2. Cơ sở lý thuyết và mô hình nghiên cứu, Chương 3. Thiết kế nghiên cứu, Chương 4. Kết quả nghiên cứu và Thảo luận, Chương 5. Kết luận và đề xuất hàm ý quản trị.

- Đối với nghiên cứu theo hướng phân tích định tính (thường được thực hiện nhiều ở những nhóm ngành Khoa học Xã hội và Nhân văn như: nghệ thuật, văn hóa học, ngôn ngữ học, Văn học Việt Nam và văn học nước ngoài, Luật, Kinh tế...), luận văn có thể thiết kế theo yêu cầu cụ thể của đối tượng, mục đích và phạm

vi nghiên cứu. Phần nội dung chính của luận văn nghiên cứu theo hướng phân tích định tính yêu cầu phải bao gồm đầy đủ nội dung về cơ sở lý thuyết có liên quan đến đề tài nghiên cứu, thực trạng (thực tiễn) liên quan đến đề tài nghiên cứu và đề xuất giải pháp, kiến nghị liên quan đề tài nghiên cứu.

3.2.1. Bộ cục phần nội dung chính của luận văn khối kinh tế-xã hội theo hướng phân tích định lượng

Phần nội dung chính của luận văn theo hướng phân tích định lượng gồm các phần được cấu trúc theo 05 chương. Các phần chính của luận văn gồm:

CHƯƠNG 1: TỔNG QUAN VỀ VẤN ĐỀ NGHIÊN CỨU (*tiêu đề in hoa, in đậm, đặt giữa trang, cỡ chữ 14*)

Giới thiệu vấn đề cần nghiên cứu và chỉ ra tầm quan trọng, sự tác động và cần thiết của vấn đề cần nghiên cứu để tìm giải pháp/phương pháp đóng góp cho sự cải tiến và phát triển của khoa học về lý thuyết và ứng dụng thực tế trong phạm vi không gian và thời gian và ý nghĩa của đề tài nghiên cứu. Nội dung chính của phần này bao gồm mô tả bối cảnh, đặt ra các giả thuyết và mục tiêu mà nghiên cứu sẽ đạt được. Các tiểu mục của chương có thể bao gồm: mục tiêu nghiên cứu, câu hỏi nghiên cứu, giả thuyết (nếu có), giới hạn và phạm vi nghiên cứu, ...

CHƯƠNG 2: CƠ SỞ LÝ THUYẾT VÀ MÔ HÌNH NGHIÊN CỨU (*tiêu đề in hoa, in đậm, đặt giữa trang, cỡ chữ 14*)

Phần này rất quan trọng, Chương này mô tả lý thuyết áp dụng trong nghiên cứu, lược khảo được các tài liệu có liên quan về cơ sở lý thuyết, ứng dụng lý thuyết và các phương pháp/kinh nghiệm cách giải quyết vấn đề của các nghiên cứu trước liên quan đến vấn đề (1 vấn đề) nghiên cứu của luận văn để làm cơ sở cho việc thiết kế các nội dung và thí nghiệm của nghiên cứu. Tài liệu tham khảo phải cập nhật, viết có tính phân tích và tổng hợp chứ không phải làm tóm tắt và liệt kê các kết quả nghiên cứu từ tài liệu tham khảo.

CHƯƠNG 3: THIẾT KẾ NGHIÊN CỨU (*tiêu đề in hoa, in đậm, đặt giữa trang, cỡ chữ 14*)

Chương này mô tả chi tiết các phương pháp, kỹ thuật và mẫu vật, thiết bị chính dùng trong nghiên cứu. Có thể viết theo từng nội dung của từng mục tiêu nghiên cứu của luận văn. Mô tả chi tiết phương pháp bố trí thí nghiệm, các số liệu đã thu thập và phương pháp thu thập, phương pháp phân tích mẫu thu, phương pháp xử lý số liệu...

Trong trường hợp đề tài điều tra thì cần làm rõ số mẫu sẽ điều tra, cách chọn mẫu, cấu trúc bảng câu hỏi, phương pháp phân tích số liệu... (*Lưu ý: nên đưa bảng câu hỏi sử dụng trong nghiên cứu vào phụ lục*).

CHƯƠNG 4: KẾT QUẢ VÀ THẢO LUẬN (*tiêu đề in hoa, in đậm, đặt giữa trang, cỡ chữ 14*)

Chương này trình bày chi tiết kết quả của nghiên cứu bằng cách sử dụng bảng số liệu, hình, mô tả (text), sử dụng phép thống kê đánh giá kết quả,... sao cho các kết quả chính của nghiên cứu được nổi bật.

Ở chương này có thể được viết thành hai dạng (i) trình bày kết quả và thảo luận chung hay (ii) tách trình bày kết quả và thảo luận riêng. Người viết chọn cách viết sao cho phù hợp với khả năng của mình cũng như đặc điểm của kết quả nghiên cứu.

Nội dung thảo luận phải làm nổi bật mối quan hệ của kết quả đạt được của nghiên cứu với giả thuyết đặt ra cho nghiên cứu. Thảo luận làm rõ những kết quả chính, ý nghĩa, các vấn đề có liên quan; dùng tài liệu tham khảo để biện minh kết quả nghiên cứu. Bài viết phải tạo được sự gắn kết của kết quả nghiên cứu với nội dung, nội dung với mục tiêu, và mục tiêu với chủ đề nghiên cứu.

CHƯƠNG 5: KẾT LUẬN VÀ ĐỀ XUẤT HÀM Ý QUẢN TRỊ (*tiêu đề in hoa, in đậm, đặt giữa trang, cỡ chữ 14*)

Căn cứ vào các kết quả chính của nghiên cứu để đưa ra các kết luận trong mối liên hệ với mục tiêu của nghiên cứu và đề xuất cho các nghiên cứu tiếp theo (nếu có). Lưu ý: ở phần kết luận học viên chỉ nêu những điểm chính về kết quả tìm được không giải thích thêm và bàn luận lại như đã làm ở chương Thảo luận; đồng thời, nêu lên ý nghĩa hay hàm ý muốn chuyển tải từ các kết quả đó. Việc trình bày các đề xuất phải có liên quan với chủ đề của luận văn.

3.2.2. Bộ cục phần nội dung chính của luận văn khối kinh tế-xã hội theo hướng phân tích định tính ứng dụng

Đối với nghiên cứu theo hướng phân tích định tính, nội dung chính của luận văn có thể được kết cấu thành 03 phần: phần mở đầu; phần chính (3 Chương); phần kết luận và đề xuất. Cấu trúc tham khảo cho phần nội dung chính của luận văn theo hướng phân tích định tính:

A. Phần Mở đầu

1. Lý do chọn đề tài
2. Mục tiêu nghiên cứu
3. Câu hỏi nghiên cứu
4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu
5. Phương pháp nghiên cứu

6. Kết cấu luận văn

B. Phần chính

Phần chính của luận văn theo hướng phân tích định tính phải bao gồm đầy đủ nội dung về cơ sở lý thuyết có liên quan đến đề tài nghiên cứu, thực trạng (thực tiễn) liên quan đến đề tài nghiên cứu và đề xuất giải pháp, kiến nghị liên quan đến đề tài nghiên cứu. Nếu phần chính của luận văn được kết cấu thành 03 chương:

Chương 1: Trình bày về cơ sở lý thuyết của đề tài nghiên cứu

Chương 2: Đánh giá thực trạng của đề tài nghiên cứu

Chương 3: Đề xuất các giải pháp

Trong trường hợp phần chính của luận văn theo hướng phân tích định tính được kết cấu khác 03 chương thì đơn vị đào tạo quyết định.

C. Phần kết luận và đề xuất

3.2.3. Bộ cục phần nội dung chính của luận văn khối kỹ thuật nghiên cứu thực nghiệm hoặc lý thuyết

Đối với nghiên cứu khối kỹ thuật, tùy thuộc vào từng chuyên ngành và đề tài cụ thể, nội dung chính của luận văn có thể được kết cấu thành:

MỞ ĐẦU: Trình bày lý do chọn đề tài, mục đích, đối tượng và phạm vi nghiên cứu, ý nghĩa khoa học và thực tiễn của đề tài nghiên cứu.

TỔNG QUAN: Phân tích, đánh giá các công trình nghiên cứu đã có của các tác giả trong và ngoài nước liên quan mật thiết đến đề tài; nêu những vấn đề còn tồn tại; chỉ ra những vấn đề mà đề tài cần tập trung nghiên cứu, giải quyết.

NHỮNG NGHIÊN CỨU THỰC NGHIỆM HOẶC LÝ THUYẾT: Trình bày các cơ sở lý thuyết, lý luận, giả thuyết khoa học và phương pháp nghiên cứu đã được sử dụng trong luận văn.

TRÌNH BÀY, ĐÁNH GIÁ, BÀN LUẬN CÁC KẾT QUẢ: Mô tả ngắn gọn công việc nghiên cứu khoa học đã tiến hành, các số liệu nghiên cứu khoa học hoặc số liệu thực nghiệm. Phần bàn luận phải căn cứ vào các dữ liệu khoa học thu được trong quá trình nghiên cứu của đề tài hoặc đối chiếu với kết quả nghiên cứu của các tác giả khác thông qua các tài liệu tham khảo.

KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ HƯỚNG NGHIÊN CỨU TIẾP THEO: Trình bày những kết quả mới của luận văn một cách ngắn gọn không có lời bàn và bình luận thêm.

DANH MỤC CÔNG TRÌNH CÔNG BỐ CỦA TÁC GIẢ (nếu có): Liệt kê các bài báo, công trình đã công bố của tác giả về nội dung của đề tài, theo trình tự

thời gian công bố.

3.3. Phần cuối

3.3.1. Tài liệu tham khảo

Liệt kê tất cả những tài liệu đã được trích dẫn trong bài viết, cần phải viết chính xác tên và họ để người đọc có thể truy tìm tài liệu khi cần.

Danh mục tài liệu tham khảo được xếp theo từng loại khác nhau.

A. Văn bản quy phạm pháp luật

B. Tài liệu tiếng Việt

C. Tài liệu tiếng nước ngoài

D. Tài liệu điện tử

3.3.2. Phụ lục (nếu có)

+ Phụ lục có thể bao gồm các bảng biểu thống kê (Phụ bảng), hình ảnh, sơ đồ... cần được đánh số theo quy ước nhất định để người xem tiện theo dõi. Do Phụ lục không thuộc phần chính của luận văn nên việc đánh số trang của Phụ lục phải thực hiện theo quy ước riêng hoặc đánh số lại từ đầu (đánh từ số 1). Đối với luận văn có từ hai Phụ lục trở lên thì các Phụ lục phải đánh số thứ tự bằng chữ số. Từ “Phụ lục” và số thứ tự của Phụ lục phải được trình bày thành một dòng riêng, canh giữa, chữ in thường, cỡ chữ 14 và kiểu chữ đứng đậm. Tên Phụ lục (nếu có) được trình bày canh giữa, chữ in thường, cỡ chữ 14, kiểu chữ đứng đậm.

+ Phụ lục được lập ra nhằm minh họa, bổ trợ, minh chứng cho các nhận định trong phần nội dung luận văn. Nếu luận văn sử dụng những thông tin dữ liệu về phần trả lời của người được điều tra cho một bảng câu hỏi thì bảng câu hỏi mẫu này phải được đưa vào phần Phụ lục ở dạng nguyên bản đã dùng để điều tra, thăm dò ý kiến; không được tóm tắt hoặc sửa đổi. Các tính toán mẫu trình bày tóm tắt trong các bảng biểu cũng cần được nêu trong phụ lục của luận văn.

Phụ lục 1: Bìa chính

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO (cỡ chữ 16)
TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUỐC TẾ SÀI GÒN**



(size Logo 35x35mm)

HỌ VÀ TÊN TÁC GIẢ (cỡ chữ 16)

TÊN ĐỀ TÀI LUẬN VĂN (cỡ chữ 18-20)

LUẬN VĂN THẠC SĨ
(ghi ngành, cỡ chữ 16)

THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH, NĂM (cỡ chữ 14)

Phụ lục 2: Bìa phụ

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO (cỡ chữ 16)
TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUỐC TẾ SÀI GÒN**

HỌ VÀ TÊN TÁC GIẢ (cỡ chữ 16)

TÊN ĐỀ TÀI LUẬN VĂN (Cỡ chữ 18-20)

Ngành: (cỡ chữ 16)

Mã ngành: (cỡ chữ 16)

LUẬN VĂN THẠC SĨ
(ghi ngành, cỡ chữ 16)

Người hướng dẫn khoa học:
(ghi rõ học hàm, học vị) (cỡ chữ 16)

.....

THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH, NĂM..... (cỡ chữ 14)

Phụ lục 3: Cách trích dẫn tài liệu tham khảo

Phụ lục III.

HƯỚNG DẪN CÁCH TRÍCH DẪN VÀ LIỆT KÊ TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. TRÍCH DẪN KIỂU APA (APA CITATION STYLE) – KHỐI KINH TẾ, XÃ HỘI

1.1. Giới thiệu

APA được viết tắt từ American Psychological Association (Hiệp hội Tâm lý học Hoa Kỳ). Cách trích dẫn và liệt kê TLTK do APA đề xuất được nhiều trường đại học, các tạp chí khoa học, nhất là trong các lĩnh vực khoa học xã hội chấp nhận và áp dụng (<http://www.apastyle.org/>).

Nguyên tắc cơ bản của trích dẫn kiểu APA (hay còn gọi kiểu “tên tác giả - thời gian”) là:

- Dẫn nguồn trong nội dung văn bản (bài báo, báo cáo, sách) bằng tên tác giả và năm xuất bản, đặt trong ngoặc đơn.
- Danh mục TLTK ở cuối văn bản được xếp theo thứ tự alphabet tên tác giả.

Khi áp dụng trích dẫn kiểu APA vào bài viết tiếng Việt, vấn đề cần được quy ước thống nhất là phần TÊN TÁC GIẢ. Người nước ngoài thường dùng họ (family name) làm danh xưng nên APA quy ước TÊN TÁC GIẢ trong trích dẫn là họ của tác giả (ví dụ: họ tên đầy đủ là “Barack Obama”, tên tác giả khi trích dẫn là “Obama”). Tuy nhiên, với người Việt thì danh xưng (phân biệt người này với người khác) lại bằng tên, nên sử dụng tên làm TÊN TÁC GIẢ khi trích dẫn (ví dụ: họ tên đầy đủ là “Trần Văn Hùng”, tên tác giả khi trích dẫn là “Hùng”).

**Cũng có nơi sử dụng họ tên đầy đủ trong trích dẫn, ví dụ, “Trần Văn Hùng”. Tuy nhiên, theo cách này có một số hạn chế như không đồng bộ với tác giả người nước ngoài, làm tăng độ dài văn bản và đặc biệt không thể sử dụng công cụ hay phần mềm quản lý TLTK.*

1.2. Một số quy cách trích dẫn trong văn bản

- Trường hợp TLTK chỉ có 1 tác giả, ghi tên tác giả và năm xuất bản, dùng ngoặc đơn, ví dụ: (Tiến, 2010) hay Smith (2000).
- Trường hợp TLTK có 2 tác giả, ghi cả 2 tên tác giả với ký tự “&”, ví dụ: (Liệu & Tuấn, 2005), Smith & Brown (2000).
- Trường hợp TLTK có từ 3 tác giả trở lên, chỉ ghi tên tác giả đầu tiên kèm theo cụm từ “và nnk.” (nnk.: những người khác) (tương ứng “et al.” trong tiếng Anh), ví dụ: (Liên và nnk., 1999) hay Thông và nnk. (2001).

- Trường hợp trích dẫn một ý, một đoạn từ nhiều hơn một nguồn, các nguồn được sắp xếp theo thứ tự thời gian, ví dụ: (Smith, 1959; Thomson & Jones, 1982; Green, 1990) hay Thanh (1996, 2001) hay Ngọc (2000a, 2000b).
- Trường hợp TLTK đã được chấp nhận xuất bản nhưng chưa in, thay năm xuất bản bằng cụm từ “(đang in)”, ví dụ: Thắng và nnk. (đang in).
- Trường hợp tài liệu của một cơ quan, tổ chức (không có tác giả cá nhân), dùng tên đầy đủ hay viết tắt của cơ quan, tổ chức làm tên tác giả, ví dụ: (Bộ Công thương, 2010) hay WHO (2015).
- Trường hợp tài liệu là bài viết trên internet không có tác giả (cá nhân, tổ chức), dùng đoạn đầu tên bài (3-5 chữ) thay cho tên tác giả.
- Trường hợp trích dẫn trực tiếp nguyên văn, ghi thêm số trang vào sau năm, ví dụ: (Obama, 2014, tr.97-98).

Một số ví dụ minh họa trích dẫn trong văn bản theo APA

Theo thống kê, đầu tư của Nhật Bản vào Trung Quốc năm 2000 là 1641 dự án, với số vốn hiệp định 3,68 tỷ USD và vốn thực hiện là 2,92 tỷ USD, đến năm 2005 đã lên tới 65,3 tỷ USD và năm 2007 là 70 tỷ USD (Mỹ, 2007).

Gần đây, nhiều sensor huỳnh quang dựa trên dẫn xuất của fluorescein phát hiện cation kim loại đã được công bố (Clark và nnk., 2003; Kim và nnk., 2010; Bao và nnk., 2016). Tuy nhiên các sensor này được nghiên cứu chủ yếu bằng phương pháp thực nghiệm và dựa trên kinh nghiệm của nhà nghiên cứu (Khwanchanok và nnk., 2006; Xiong và nnk., 2013), điều này làm tăng chi phí và thời gian nghiên cứu.

Các khảo sát gần đây của Trung tâm Sản xuất sạch Việt Nam (1998, 2000) đã cho thấy tiềm năng áp dụng sản xuất sạch hơn vào các ngành công nghiệp ở nước ta rất lớn. Chẳng hạn, ngành sản xuất bia có thể tiết kiệm 60 - 75% nước, 40 - 60 % điện; ngành dệt có khả năng tiết kiệm khoảng 70% nước, 10-50 % điện; ngành giấy có thể tiết kiệm đến 70-90% nước và 20-25% điện.

Nghiên cứu này sử dụng phương pháp phân tích nhân tố khám phá (EFA) và phân tích hồi quy bội. Theo Hair và nnk. (1998), để có thể phân tích nhân tố khám phá cần thu thập dữ liệu với kích thước mẫu là 5 mẫu trên 1 biến quan sát. Trong khi Trọng & Ngọc (2005) cho rằng tỷ lệ đó là 4 hay 5.

1.3. Quy cách ghi TLTK trong danh mục liệt kê

1.3.1. Quy cách ghi theo loại hình TLTK

(Mỗi loại hình có 2 mẫu cho tài liệu tiếng Việt và tiếng Anh, chú ý các dấu chấm, phẩy, khoảng trống, in nghiêng).

(1). Với sách:

Tên tác giả (các tác giả). (Năm xuất bản). *Tên sách in nghiêng*. Nơi xuất bản: Nhà xuất bản.

Author(s) of book. (Year of publication). *Title of book*. Place of publication: Publisher.

(2). Với 1 chương trong sách:

Tên tác giả (các tác giả) của chương sách. (Năm xuất bản). Tên chương. Trong Tên chủ biên (Chủ biên), *Tên sách in nghiêng* (tr. trang số). Nơi xuất bản: Nhà xuất bản.

Author(s) of chapter. (Year of publication). Title of chapter. In Editor(s) of book (Eds), *Title of book* (pp. page numbers). Place of publication: Publisher.

(3). Với bài báo trên tạp chí khoa học:

Tên tác giả (các tác giả) bài báo. (Năm xuất bản). Tên bài báo. *Tên tạp chí, tập in nghiêng*(số), trang số. DOI: xx.xxxxxxxxxx (nếu có)

Author(s) of paper. (Year of publication). Title of paper. *Journal name, Volume number – italicized*(Issue number), page number(s). DOI: xx.xxxxxxxxxx

(4). Với bài trong kỷ yếu hội thảo, hội nghị:

Tên tác giả (các tác giả) bài viết. (Năm xuất bản). Tên bài viết. *Tên kỷ yếu hội thảo, nơi tổ chức, năm tổ chức in nghiêng* (tr. trang số). Nơi xuất bản: Nhà xuất bản.

Author(s) of paper. (Year of publication). Title of paper. *Title of conference's proceeding, place, year – italicized*, (pp. page numbers). Place of Publication: Publisher.

*Nếu kỷ yếu chỉ phát hành bởi Ban Tổ chức, không qua nhà xuất bản thì sẽ không có thông tin về nơi và nhà xuất bản.

(5). Với bài trên báo chí:

Tên tác giả (các tác giả). (Ngày tháng năm xuất bản). Tên bài báo. *Tên tờ báo in nghiêng*, trang số.

Author(s) of article. (Year of publication, month day). Title of article. *Title of newspaper – italicised*, page number(s).

(6). Với luận văn, luận án:

Tên tác giả. (Năm in luận văn/luận án). *Tiêu đề luận văn/luận án in nghiêng* (Luận án tiến sĩ/Luận văn thạc sĩ, Cơ sở đào tạo, Địa điểm).

Author. (Year of preparation of thesis). *Title of thesis – italicised* (Doctoral dissertation or master's thesis, Institution, Location).

(7). Với tài liệu từ internet:

Tên tác giả (các tác giả). (Năm tài liệu được tạo ra hay cập nhật). *Tên tài liệu in nghiêng*.
Truy cập ngày/tháng/năm, từ <http://www.....>

Author(s) of document. (Year document created or revised). *Title of document – italicised.*

Retrieved mm dd, yyyy, from <http://www.....>

**Nếu không có tác giả thì chuyển tên tài liệu lên trước thay thế tên tác giả.*

1.3.2. Cách ghi tên tác giả trong TLTK

Tên tác giả ở các dạng tài liệu được ghi theo nguyên tắc:

- Đối với người nước ngoài: họ, các chữ cái đầu của phần tên còn lại viết hoa kèm dấu chấm. Ví dụ: Vlardimir Ilyich Lenin sẽ được ghi là Lenin, V.I.
- Đối với người Việt: Tên, các chữ cái đầu của họ và tên lót viết hoa kèm dấu chấm. Ví dụ: Ngô Bảo Châu sẽ được ghi là Châu, N.B.
- Khi có 2 tác giả thì ghi cả 2 với ký tự “&”; từ 3-5 tác giả thì ghi tất cả tên tác giả với ký tự “&” trước tác giả cuối cùng; từ 6 tác giả trở lên thì chỉ ghi tên 3 tác giả đầu và tác giả cuối, ở giữa dùng dấu 3 chấm “...”.

1.3.3. Xếp thứ tự danh mục TLTK

Các TLTK được xếp thứ tự theo chữ cái đầu tiên của tên tác giả (hoặc tác giả đứng đầu trong trường hợp nhiều tác giả).

Trường hợp các tác giả có tên giống nhau, xếp thứ tự theo chữ cái tiếp theo trong phần tên.

Trường hợp cùng 1 tác giả, xếp thứ tự theo thời gian (năm).

1.3.4. TLTK bằng các ngôn ngữ khác Latin

Với các TLTK bằng ngôn ngữ khác Latin (tiếng Nga, tiếng Trung, tiếng Nhật, tiếng ẢRập,...) có thể xử lý theo 2 cách:

- Nếu không có bộ gõ tương ứng, phiên âm sang tiếng Latin, đặt phần dịch tên (sách, bài báo,...) sang tiếng Anh hay tiếng Việt trong ngoặc vuông.

Ví dụ:

Najm, Y. (1966). *Al-qissah fi al-adab Al-Arabi al-hadith* [The novel in modern Arabic literature]. Beirut: Dar AlThaqafah.

- Nếu có bộ gõ chữ tương ứng, chỉ phiên âm tên các tác giả sang tiếng Latin, đặt tên gốc trong ngoặc vuông, các thông tin xuất bản khác giữ nguyên ngôn ngữ gốc.

Ví dụ:

Lizhi, X. [谢丽芝] (2012). 汉语人体成语的认知机制研究, 硕士论文曲阜师范大学.

Ví dụ liệt kê danh mục TLTK theo APA

- Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn (2014). *Thông tư số 18/2014/TT-BNNPTNT ngày 23/6/2014 ban hành Danh mục bổ sung giống vật nuôi được phép sản xuất, kinh doanh tại Việt Nam.*
- Gaetke, L.M., & Chow, C.K. (2003). Copper toxicity, oxidative stress, and antioxidant nutrients. *Toxicology, 189*(1–2), 147–163. DOI: 10.1016/S0300-483X(03)00159-8.
- Hương, N. T. L., & Quân, T. T. (2017). Nhận thức của du khách về hình ảnh điểm đến du lịch Huế. *Tạp chí Khoa học Đại học Huế: Kinh tế và Phát triển, 126*(5D), 79–94. DOI: 10.26459/hueuni-jed.v126i5D.4555.
- Liên, L.T.K., Thủy, T.T.T., Chính, Q.B., & Quyền, T.N. (2015). Đánh giá của du khách về du lịch lễ hội tổ chức tại chùa ở Thừa Thiên Huế. *Tạp chí Khoa học Đại học Huế, 109*(10), 191–202.
- Liệu, P. K., & Tuấn, T. A. (2011). Tính toán mức phát thải nhà kính của chính quyền thành phố Huế bằng công cụ Bilan Carbone. *Kỷ yếu Hội thảo Khoa học Quốc gia Đất ngập nước và Biến đổi khí hậu, Hà Nội, 2011* (tr.343-356). Hà Nội: Nxb Khoa học và Kỹ thuật.
- Mỹ, L. V. (2007). *Ngoại giao Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa 30 năm cải cách mở cửa (1978-2008)*. Hà Nội: Nxb Khoa học Xã hội.
- Tamminen, T. (1990). *Eutrophication and the Baltic Sea: Studies on Phytoplankton, Bacterioplankton and Pelagic Nutrient Cycles* (PhD thesis, University of Helsinki, Finland).
- Tiến, N. Q. T. (2010). Về quá trình tụ cư lập làng ở Hương Vinh. Trong Tiến, N. Q. T., & Masanari, N. (Chủ biên), *Văn hóa - lịch sử Huế qua góc nhìn làng xã phụ cận và quan hệ với bên ngoài* (tr.10 - 28). Huế: Nxb.Thuận Hóa.
- Trabasso, T., & Bouchard, E. (2002). Teaching readers how to comprehend text strategically. In Block, C. C., & Pressley, M. (Eds.), *Comprehension instruction: Research-based best practices* (pp. 176–200). New York: The Guilford Press.
- Trí, N. C. (2011). *Nâng cao năng lực cạnh tranh của các doanh nghiệp du lịch thành phố Hồ Chí Minh đến năm 2020* (Luận án Tiến sĩ kinh tế, Trường Đại học Kinh tế Tp. HCM).
- Tử, D. (2015). *Nuôi tôm thẻ chân trắng trải bạt nền đáy*. Truy cập 21/7/2016, từ <http://thuysanvietnam.com.vn/nuoi-tom-the-chan-trang-trai-bat-nen-day-article-6651.tsvn>.

Water Research Centre. (1990). *Proposed Water Quality Criteria for the Protection of Aquatic Life from Intermittent Pollution*, Report PRS 2498-NM, UK.

2. TRÍCH DẪN KIỂU IEEE (IEEE CITATION STYLE) – KHÓI KỸ THUẬT

2.1. Giới thiệu

IEEE được viết tắt từ Institute for Electrical and Electronics Engineers (Viện Kỹ sư Điện và Điện tử) - một tổ chức nghề nghiệp thế giới (<https://www.ieee.org>). Kiểu trích dẫn IEEE khá phổ biến trong các lĩnh vực kỹ thuật.

Nguyên tắc cơ bản của trích dẫn kiểu IEEE (hay còn gọi kiểu “số trong ngoặc vuông”) là:

- Dẫn nguồn trong nội dung văn bản (bài báo, báo cáo, sách) bằng chữ số đặt trong dấu ngoặc vuông. Số của TLTK là thứ tự xuất hiện của tài liệu trong văn bản.
- Danh mục TLTK ở cuối văn bản được xếp theo số thứ tự của TLTK đã chú dẫn trong văn bản.

2.2. Một số quy cách trích dẫn trong văn bản

- TLTK đã trích dẫn, sau đó được trích dẫn lại thì vẫn giữ nguyên số thứ tự đã dùng ở lần đầu.
- Chữ số chú dẫn nguồn TLTK được đặt trong 2 dấu ngoặc vuông, nếu nằm ở cuối câu thì đứng trước dấu chấm câu, ví dụ: [1].
- Khi trích dẫn từ 2 TLTK trở lên, giữa các tài liệu cách nhau bằng dấu phẩy, ví dụ: [2, 10]. Với nhiều tài liệu liên tục, dùng dấu gạch ngang giữa TLTK đầu và cuối, ví dụ: [2-5].
- Trường hợp trích dẫn trực tiếp nguyên văn hoặc cần thiết chỉ rõ vị trí trích dẫn, ghi thêm số trang vào sau chữ số thứ tự, ví dụ: [4, tr.97].

Một số ví dụ minh họa trích dẫn trong văn bản theo IEEE

Theo thống kê, đầu tư của Nhật Bản vào Trung Quốc năm 2000 là 1641 dự án, với số vốn hiệp định 3,68 tỷ USD và vốn thực hiện là 2,92 tỷ USD, đến năm 2005 đã lên tới 65,3 tỷ USD và năm 2007 là 70 tỷ USD [1].

Gần đây, nhiều sensor huỳnh quang dựa trên dẫn xuất của fluorescein phát hiện cation kim loại đã được công bố [2-4]. Tuy nhiên các sensor này được nghiên cứu chủ yếu bằng phương pháp thực nghiệm và dựa trên kinh nghiệm của nhà nghiên cứu [5], điều này làm tăng chi phí và thời gian nghiên cứu.

Các khảo sát gần đây của Trung tâm Sản xuất sạch Việt Nam [6, 9] đã cho thấy tiềm năng áp dụng sản xuất sạch hơn vào các ngành công nghiệp ở nước ta rất lớn. Chẳng hạn, ngành sản xuất bia có thể tiết kiệm 60 - 75% nước, 40 - 60 % điện; ngành dệt có khả năng tiết kiệm 70% nước, 10-50 % điện; ngành giấy có thể tiết kiệm 70-90% nước và 20-25% điện.

Nghiên cứu này sử dụng phương pháp phân tích nhân tố khám phá (EFA) và phân tích hồi quy bội. Theo nhóm nghiên cứu dẫn đầu bởi Hair [8], để có thể phân tích nhân tố khám phá cần thu thập dữ liệu với kích thước mẫu là 5 mẫu trên 1 biến quan sát. Trong khi đó, một nghiên cứu khác [10] thì cho rằng tỷ lệ đó là 4 hay 5.

2.3. Quy cách ghi TLTK trong danh mục liệt kê

2.3.1. Quy cách ghi theo loại hình TLTK

(Mỗi loại hình có 2 mẫu cho tài liệu tiếng Việt và tiếng Anh, chú ý các dấu chấm, phẩy, khoảng trống, ngoặc kép, in nghiêng)

(1). Với sách:

[STT] Tên tác giả (các tác giả), *Tên sách in nghiêng*, lần xuất bản (nếu không phải lần đầu).

Nơi xuất bản: Nhà xuất bản, Năm.

[No.] Author's name, *Title of book*, edition (if not first). Place of publication: Publisher, Year.

(2). Với 1 chương trong sách:

[STT] Tên tác giả (các tác giả) của chương sách, "Tên chương", trong *Tên sách in nghiêng*, lần xuất bản (nếu không phải lần đầu), Tên chủ biên, Chủ biên. Nơi xuất bản: Nhà xuất bản, Năm, trang số.

[No.] Author(s) of chapter, "Title of chapter", In *Title of book*, edition (if not first), Editor(s) of book, Ed. Place of publication: Publisher, Year, Page number(s).

(3). Với bài báo trên tạp chí khoa học:

[STT] Tên tác giả (các tác giả) bài báo, "Tên bài báo," *Tên tạp chí in nghiêng*, tập, số, trang số, năm. DOI: xx.xxxxxxxxxx (nếu có).

[No.] Author(s) of paper, "Title of paper," *Journal name- italicised*, volume number, issue number, page number(s), year. DOI: xx.xxxxxxxxxx (if available).

(4). Với bài trong kỷ yếu hội thảo, hội nghị:

[STT] Tên tác giả (các tác giả) bài viết, "Tên bài viết," trong *Tên kỷ yếu hội thảo, nơi tổ chức, thời gian tổ chức in nghiêng*, Nơi xuất bản: Nhà xuất bản, năm xuất bản, trang số.

[No.] Author(s) of paper, “Title of paper,” *Title of conference’s proceeding, palce of organization, time of organization – italicized*, Place of Publication: Publisher, year of publication, page numbers.

(5). Với bài trên báo chí:

[STT] Tên tác giả (các tác giả), “Tên bài báo,” *Tên tờ báo in nghiêng* (Ngày tháng năm xuất bản), trang số.

[No.] Author(s) of article, “Title of article,” *Title of newspaper – italicised* (Year of publication, month day), page number(s).

(6). Với luận văn, luận án:

[STT] Tên tác giả, “*Tiêu đề luận văn/luận án in nghiêng*,” Luận án tiến sĩ/Luận văn thạc sĩ, cơ sở đào tạo, địa điểm, năm in luận văn/luận án.

[No.] Author, “*Title of thesis – italicised*,” Doctoral dissertation/Master's thesis, Institution, Location, year of preparation of thesis.

(7). Với tài liệu internet:

[STT] Tên tác giả (các tác giả), “Tên tài liệu,” Thời gian tài liệu được tạo hay cập nhật. [Trực tuyến]. Địa chỉ: <http://www.....> [Truy cập ngày/tháng/năm].

[No.] Author(s) of document, “Title of document,” Time document created or revised. [Online]. Availabe: <http://www.....> [Accessed mm dd yyyy].

2.3.2. Cách ghi tên tác giả trong TLTK

Tên tác giả ở các dạng tài liệu được ghi theo nguyên tắc:

- Đối với người nước ngoài: các chữ cái đầu của phần tên, tên đệm viết hoa kèm dấu chấm, họ viết đầy đủ. Ví dụ: Vladimir Ilyich Lenin sẽ được ghi là V.I. Lenin.
- Đối với người Việt: các chữ cái đầu của họ và tên đệm viết hoa kèm dấu chấm, tên viết đầy đủ. Ví dụ: Ngô Bảo Châu sẽ được ghi là N.B.Châu.
- Khi có 2 tác giả thì ghi cả 2 với từ nối “và” (hoặc “and” trong tiếng Anh); từ 3-5 tác giả thì ghi tất cả tên tác giả với từ nối “và” (hoặc “and” trong tiếng Anh) trước tác giả cuối cùng; từ 6 tác giả trở lên thì chỉ ghi tên 3 tác giả đầu và tác giả cuối, ở giữa dùng dấu 3 chấm “...”.

2.3.3. Xếp thứ tự danh mục TLTK

Các tài liệu tham khảo được xếp thứ tự tăng dần theo số thứ tự xuất hiện trong văn bản.

Nên định dạng sao cho các số thứ tự ở chế độ “hanging” (tức hàng thứ hai trở đi trong mỗi tài liệu lùi vào thẳng hàng với dòng đầu tiên).

2.3.4. TLTK bằng các ngôn ngữ khác Latin

Với các TLTK bằng ngôn ngữ khác Latin (tiếng Nga, tiếng Trung, tiếng Nhật, tiếng

Ả Rập,...) có thể xử lý theo 2 cách:

- Nếu không có bộ gõ tương ứng, phiên âm sang tiếng Latin, đặt phần dịch tên (sách, bài báo,...) sang tiếng Anh hay tiếng Việt trong ngoặc vuông. Ví dụ:

[20] Y. Najm, “*Al-qissah fi al-adab Al-Arabi al-hadith* [The novel in modern Arabic literature], Beirut: Dar AlThaqafah, 1996.

- Nếu có bộ gõ chữ tương ứng, chỉ phiên âm tên các tác giả sang tiếng Latin, đặt tên gốc trong ngoặc vuông, các thông tin xuất bản khác giữ nguyên ngôn ngữ gốc. Ví dụ:

[21] X. Lizhi [谢丽芝], “汉语人体成语的认知机制研究, 硕士论文曲阜师范大学”, 2012.

Ví dụ liệt kê danh mục TLTK theo IEEE

- [1]. Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn, *Thông tư số 18/2014/TT-BNNPTNT ngày 23/6/2014 ban hành Danh mục bổ sung giống vật nuôi được phép sản xuất, kinh doanh tại Việt Nam*, 2014.
- [2]. L. M. Gaetke and C. K. Chow, “Copper toxicity, oxidative stress, and antioxidant nutrients,” *Toxicology*, Vol. 189, No. 1–2, pp.147–163, 2003. DOI: 10.1016/S0300483X(03)00159-8.
- [3]. N. T. L. Hương và T. T. Quân, “Nhận thức của du khách về hình ảnh điểm đến du lịch Huế,” *Tạp chí Khoa học Đại học Huế: Kinh tế và Phát triển*, Tập 126, Số 5D, tr. 79–94, 2017. DOI: 10.26459/hueuni-jed.v126i5D.4555.
- [4]. L.T.K. Liên, T. T. T. Thủy, Q. B. Chính và T. N. Quyền, “Đánh giá của du khách về du lịch lễ hội tổ chức tại chùa ở Thừa Thiên Huế,” *Tạp chí Khoa học Đại học Huế*, Tập 109, Số 10, tr. 191–202, 2015.
- [5]. P. K. Liệu và T. A. Tuấn, “Tính toán mức phát thải nhà kính của chính quyền thành phố Huế bằng công cụ Bilan Carbone,” trong *Kỷ yếu Hội thảo Khoa học Quốc gia*
- [6]. *Đất ngập nước và Biến đổi khí hậu, Hà Nội, 2011*, Hà Nội: Nxb Khoa học và Kỹ thuật, 2011, tr. 343-356.
- [7]. L. V. Mỹ, “*Ngoại giao Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa 30 năm cải cách mở cửa (1978-2008)*”. Hà Nội: Nxb Khoa học Xã hội, 2007.
- [8]. T. Tamminen, “*Eutrophication and the Baltic Sea: Studies on Phytoplankton, Bacterioplankton and Pelagic Nutrient Cycles*,” PhD thesis, University of Helsinki, Finland, 1990.
- [9]. N. Q. T. Tiến, “Về quá trình tụ cư lập làng ở Hương Vinh,” trong *Văn hóa - lịch sử Huế qua góc nhìn làng xã phụ cận và quan hệ với bên ngoài*, N. Q. T. Tiến và N. Masanari, Chủ biên. Huế: Nxb. Thuận Hóa, 2010, tr.10 - 28.
- [10]. T. Trabasso and E. Bouchard, “Teaching readers how to comprehend text strategically,” in *Comprehension instruction: Research-based best practices*, C. C. Block and M. Pressley, Eds. New York: The Guilford Press, 2002, pp. 176–200.

- [11]. N. C. Trí, “*Nâng cao năng lực cạnh tranh của các doanh nghiệp du lịch thành phố Hồ Chí Minh đến năm 2020,*” Luận án Tiến sĩ kinh tế, Trường Đại học Kinh tế Tp. HCM, 2011.
- [13]. D. Tử, “Nuôi tôm thẻ chân trắng trái bạt nền đáy,” 2015. [Trực tuyến]. Địa chỉ: <http://thuysanvietnam.com.vn/nuoi-tom-the-chan-trang-trai-bat-nen-day-article6651.tsvn>. [Truy cập 21/7/2016].
- [14]. Water Research Centre, *Proposed Water Quality Criteria for the Protection of Aquatic Life from Intermittent Pollution*. Report PRS 2498-NM, UK, 1990.

Nơi nhận:

- Các đơn vị;
- Lưu: PĐT, VT.

HIỆU TRƯỞNG